

Điều 47. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

NGHỊ ĐỊNH số 38/2005/NĐ-CP
ngày 18/3/2005 của Chính phủ
quy định một số biện pháp
bảo đảm trật tự công cộng.

CHÍNH PHỦ

Để giữ gìn trật tự công cộng, góp phần bảo đảm quyền tự do dân chủ của công dân theo quy định của pháp luật;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng; nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm trật tự công cộng.

Điều 2. Trách nhiệm bảo đảm trật tự công cộng

1. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng; tôn trọng các quy tắc chung của cuộc sống xã hội; phát hiện, tố cáo mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự công cộng hoặc xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; tham gia, hỗ trợ các cơ quan chức năng phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm pháp luật về trật tự công cộng.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài cư trú và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến bảo đảm trật tự công cộng.

Điều 3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự công cộng

1. Cơ quan, tổ chức, chính quyền các cấp có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục thành viên và người thuộc cơ quan, tổ chức, địa phương mình ý thức tuân theo pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy chế dân chủ trong từng lĩnh vực công tác; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng.

2. Cơ quan thông tin, tuyên truyền có trách nhiệm thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng, về khiếu nại, tố cáo, về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc bảo đảm trật tự công cộng để mọi người biết và tự giác chấp hành.

Điều 4. Giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng

1. Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát việc thi hành pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng của tổ chức và cá nhân.

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quản lý của mình, có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng; kịp thời có biện pháp ngăn

chặn, giáo dục và xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng các quyền tự do dân chủ của công dân để thực hiện hoặc lôi kéo, kích động, mua chuộc, cưỡng ép người khác tập trung đông người nhằm gây rối trật tự công cộng hoặc để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

2. Tập trung đông người trái với quy định của pháp luật ở lòng đường, vỉa hè, trước trụ sở cơ quan, tổ chức, tại khu vực đang diễn ra các hội nghị quốc tế, kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân hoặc các hoạt động chính trị quan trọng khác của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội hoặc nơi công cộng khác.

3. Tiến hành các hoạt động quy định tại Điều 7 Nghị định này mà không được phép của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

4. Gây cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, của cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội hoặc cản trở, chống người thi hành công vụ.

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để dung túng, bao che hoặc xử lý không nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng.

6. Các hành vi khác gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng, cuộc sống bình thường của nhân dân hoặc trái với thuần phong mỹ tục, nếp sống văn minh nơi công cộng.

Điều 6. Nguyên tắc xử lý vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng

1. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm pháp luật về trật tự công cộng phải thực hiện theo đúng quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết khác có liên quan để quyết định hình thức, biện pháp xử lý thích hợp.

3. Chỉ áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết sau khi đã áp dụng các biện pháp hướng dẫn, giáo dục, thuyết phục nhưng người vi phạm vẫn không chấp hành hoặc cố tình vi phạm, chống đối, gây rối trật tự công cộng.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Quy định về tập trung đông người ở nơi công cộng

Việc tập trung đông người ở nơi công cộng phải đăng ký trước với Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi diễn ra các hoạt động đó và phải thực hiện đúng nội dung đã đăng ký. Quy định này không áp dụng đối với các hoạt động do các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức.

Điều 8. Thủ tục đăng ký tập trung đông người ở nơi công cộng

1. Trước khi tiến hành các hoạt động tập trung đông người ở nơi công cộng, tổ chức hoặc người tổ chức các hoạt động đó phải gửi bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Bản đăng ký phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a) Họ tên, tuổi, địa chỉ của người đăng ký; tên, trụ sở và các thông tin khác của tổ chức đăng ký;

b) Nội dung, mục đích việc tập trung đông người;

c) Ngày, giờ diễn ra hoạt động, thời gian kết thúc;

d) Địa điểm tập trung, đường đi, sơ đồ lộ trình sẽ đi qua;

đ) Tên của các tổ chức dự kiến tham gia và họ tên, tuổi, địa chỉ của người đại diện cho tổ chức đó;

e) Số người dự kiến tham gia; cờ, ảnh, phương tiện mang theo, nội dung biểu ngữ, khẩu hiệu (nếu có);

g) Cam kết thực hiện đúng nội dung, phạm vi hoạt động đã đăng ký và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng.

2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, giải quyết việc đăng ký tập trung đông người.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đã cho phép hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền tạm đình chỉ, đình chỉ hoặc hủy bỏ việc tập trung đông người khi xét thấy các hoạt động đó gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng hoặc vi phạm nội dung đã cho phép.

4. Bộ Công an hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tiếp nhận, giải quyết việc đăng ký, tạm đình chỉ, đình chỉ hoặc hủy bỏ việc tập trung đông người ở nơi công cộng.

Điều 9. Các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng

1. Quy định khu vực bảo vệ, khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh.

2. Phân luồng giao thông, cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông ra, vào những khu vực nhất định.

3. Khi xảy ra tình trạng gây ảnh hưởng

nghiêm trọng đến trật tự công cộng thì tùy theo tình hình cụ thể, cơ quan chức năng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để ổn định tình hình, bảo đảm trật tự công cộng và xử lý người vi phạm:

a) Thuyết phục, yêu cầu mọi người chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng và chấm dứt ngay hành vi vi phạm;

b) Đặt rào cản, chốt giữ các nút giao thông;

c) Tạm đình chỉ hoạt động của các phương tiện giao thông;

d) Kiểm tra giấy tờ tùy thân; khám người, phương tiện; tạm giữ người, phương tiện vi phạm; thu giữ vũ khí và các vật dụng nguy hiểm theo quy định của pháp luật;

đ) Cưỡng chế người có hành vi vi phạm rời khỏi địa điểm tập trung đông người trái pháp luật;

e) Sử dụng công cụ hỗ trợ và các công cụ, phương tiện khác để bảo đảm trật tự công cộng;

g) Trưng dụng tạm thời phương tiện, cơ sở vật chất của cơ quan, tổ chức và công dân theo quy định của pháp luật để phục vụ cho các biện pháp cấp bách nhằm lập lại trật tự công cộng.

0938307

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSoft

h) Các biện pháp khác do pháp luật quy định.

4. Bộ Công an hướng dẫn chi tiết thi hành việc áp dụng các biện pháp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 10. Thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng

1. Cán bộ, chiến sỹ, thủ trưởng các đơn vị Công an nhân dân đang trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự công cộng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình được thực hiện các biện pháp để bảo đảm trật tự công cộng quy định tại các khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định này.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục trưởng Cục Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường thủy, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền quyết định áp dụng và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng quy định tại các khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định này.

3. Trường hợp cấp thiết và theo đề

nghị của Giám đốc Công an cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định áp dụng các biện pháp cần thiết khác và huy động lực lượng tham gia bảo đảm trật tự công cộng theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp vượt quá khả năng giải quyết của địa phương thì theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan để chỉ đạo giải quyết và ra quyết định áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để duy trì và bảo đảm trật tự công cộng.

5. Trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng về trật tự công cộng, Bộ trưởng Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 11. Xử lý vi phạm pháp luật về trật tự công cộng

1. Đối với những trường hợp tập trung đông người trái pháp luật, gây rối trật tự công cộng hoặc thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 5 Nghị định này thì các cơ quan chức năng có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan để ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm.

2. Trường hợp tập trung đông người trái với quy định của pháp luật vì lý do khiếu nại, tố cáo thì các cơ quan chức năng có trách nhiệm hướng dẫn công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời vận động, giáo dục, thuyết phục họ tự giải tán, trở về nơi cư trú. Đối với người cố tình vi phạm, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ hoặc có hành vi chống đối, gây rối trật tự công cộng hoặc xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác, xâm phạm tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì các cơ quan chức năng được phép áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để ngăn chặn, xử lý và buộc người vi phạm trở về nơi cư trú.

Điều 12. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong tổ chức thực hiện việc bảo đảm trật tự công cộng

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm ban hành hoặc đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định đó; kịp thời thông báo, trao đổi thông tin với Ủy ban nhân dân và các cơ quan có liên quan khi có vụ việc xảy ra để chủ động phối hợp xử lý các tình huống liên quan đến bảo đảm

trật tự công cộng; khi xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch về phát triển kinh tế, xã hội, phải chú ý đến các yêu cầu về bảo đảm trật tự công cộng; đồng thời, phải có kế hoạch, biện pháp cụ thể để hướng dẫn, tổ chức thực hiện có hiệu quả, không để phát sinh sơ hở, thiếu sót dẫn đến khiếu nại, tố cáo, gây rối, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng.

2. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu, đề xuất, ban hành văn bản hướng dẫn thuộc thẩm quyền và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, tổ chức chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng theo quy định tại Nghị định này và quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan;

c) Tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo đảm trật tự công cộng;

d) Tổ chức chỉ đạo việc điều tra, xử lý các hành vi xâm phạm trật tự công cộng theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện công tác thanh tra, giải quyết khiếu

nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; phối hợp với Bộ Công an bảo đảm trật tự công cộng ở những nơi xảy ra khiếu nại, tố cáo đông người.

4. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong Quân đội có kế hoạch phối hợp với chính quyền địa phương nơi đóng quân tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần bảo đảm trật tự công cộng; phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Bộ Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm bảo đảm thông tin an toàn, thông suốt, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm soát thông tin để phục vụ yêu cầu bảo đảm trật tự công cộng.

6. Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

a) Chủ động nắm tình hình, có biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và các quyền tự

do dân chủ khác của công dân để lôi kéo, kích động hoặc cưỡng ép người khác tham gia tập trung đông người trái phép, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ hoặc các hành vi khác làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng, xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; có biện pháp cụ thể để ngăn ngừa, tiến tới loại trừ các nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tình trạng đó;

b) Có kế hoạch chủ động, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong việc tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, xây dựng nếp sống văn minh nơi công cộng; giám sát và xử lý theo thẩm quyền các trường hợp lợi dụng tập trung đông người để thực hiện các hành vi quá khích làm tổn hại đến trật tự công cộng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

c) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng trong phạm vi địa phương; phối hợp với các Bộ, ngành, các cơ quan có liên quan xử lý tốt việc tập trung đông người trái pháp luật và những hành vi vi phạm gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng tại địa phương;

d) Giải quyết nhanh chóng, dứt điểm,

đúng pháp luật những vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền. Khi xảy ra tình trạng người của địa phương mình tập trung đông người trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng ở địa phương khác thì phải phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi xảy ra tập trung đông người để giải quyết và tổ chức đưa số người đó trở về nơi cư trú;

đ) Quy định khu vực bảo vệ, khu vực cấm tập trung đông người, cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh và tổ chức thực hiện việc đặt các biển báo đó.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và tùy theo đối tượng vi phạm là tổ chức hay cá nhân mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại

thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự công cộng xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức do thiếu trách nhiệm trong tổ chức, quản lý, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo đảm trật tự công cộng hoặc có hành vi sách nhiễu, dung túng, bao che, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo để xảy ra tình trạng tập trung đông người trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Những quy định trước đây của Chính phủ về bảo đảm trật tự công cộng trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 56/2005/QĐ-TTg
ngày 18/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối, với những nội dung sau đây:

1. Mục tiêu: chuyển Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam thành Tổng công ty cổ phần, hình thành doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động vốn, tạo thêm động lực và có cơ chế quản lý năng động, hiệu quả.

2. Hình thức cổ phần hóa: giữ nguyên vốn Nhà nước hiện có, phát hành thêm cổ phiếu để thu hút vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

3. Phương thức cổ phần hóa: cổ phần hóa Công ty mẹ (được thành lập trên cơ sở văn phòng, đơn vị hạch toán phụ thuộc) và các đơn vị thành viên hạch toán độc lập chưa cổ phần hóa của Tổng